

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **368/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 09/12/2021.

V/v “Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

2. Ông Trần Đức Nhì.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Xuân Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 6 tham gia phiên tòa:* Ông Võ Văn Tánh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 82/2021/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-HPT ngày 17 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Tào Mộng T, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: 19/36/1B đường N, phường M, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 157/52/19/1 đường X, phường B, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Ông Hồ Thanh S, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: 157/38/1/22 đường X, phường B, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Tào Mộng T có mặt; Ông Hồ Thanh S vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2021; Bản tự khai và Biên bản về việc kiểm

tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là bà Tào Mộng T trình bày:

Bà và ông Hồ Thanh S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, không tổ chức lễ cưới và đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01/2011, ngày 19/12/2011.

Vợ chồng bà chung sống tại gia đình bên chồng. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là bà phát hiện ông S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà có yêu cầu ông S chấm dứt mối quan hệ này, còn việc ông S có chấm dứt hay không thì bà không biết và không muốn tìm hiểu. Sau đó, vợ chồng bà được gia đình bên chồng hòa giải nên tiếp tục chung sống. Đến cuối năm 2020, vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn gay gắt do ông S thường hay nghi ngờ bà có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Bà có giải thích cho ông S hiểu nhưng ông S không nghe, lại còn thường xuyên chửi bới, đe dọa gây tổn hại về tính mạng, sức khỏe của bà. Có nhiều lần ông S đánh bà gây thương tích nhưng không nặng nên bà không đến bệnh viện để điều trị. Vợ chồng bà đã tự ly thân từ tháng 12 năm 2020 đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông S, không thể đoàn tụ được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông Hồ Thanh S có 01 con chung là trẻ Hồ Bảo L, sinh ngày 23/6/2012. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Hồ Bảo L cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi trẻ Hồ Bảo L do bà và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, trước khi đăng ký kết hôn, bà và ông S có sinh ra hai con là Tào Bảo M (sinh ngày 05/5/2003) và Tào Thanh T (sinh ngày 31/8/2004). Từ khi sinh ra đến nay, hai cháu Tào Bảo M, Tào Thanh T do bà và ông S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tuy nhiên, ông S không thừa nhận hai cháu Tào Bảo M, Tào Thanh T là con chung của bà và ông S. Trên giấy khai sinh của hai cháu Tào Bảo M, Tào Thanh T cũng không thể hiện thông tin về cha. Hiện nay, cháu Tào Bảo M đã thành niên. Đối với cháu Tào Thanh T, bà T xác định bà sẽ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi thành niên. Bà T không yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết gì đối với cháu Tào Thanh T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là ông Hồ Thanh S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông S vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông S.

\* *Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn là bà Tào Mộng T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

- Bị đơn là ông Hồ Thanh S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

-Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, đảm bảo thời hạn xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 không có kiến nghị gì;

-Về nội dung: Theo trình bày của nguyên đơn thì mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, không thể hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo hòa giải và quyết định xét xử nhưng bị đơn không tham gia đề hòa giải nên đề nghị Tòa án nhân dân Quận 6 chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Nguyên đơn tự nguyện nhận nuôi con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc được tiếp tục nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1.] Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là ông Hồ Thanh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tào Mộng T và ông Hồ Thanh S tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01/2011, ngày 19/12/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, theo nguyên đơn trình bày vợ chồng sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, hai người có những nghi ngờ lẫn nhau về sự chung thủy trong tình cảm nên không còn tôn trọng và tin tưởng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhưng không hòa giải được, nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Tòa án đã triệu nhiều lần để hòa giải, tạo điều kiện cho vợ chồng bà T, ông S tìm biện pháp hợp lý để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, giúp gia đình đoàn tụ nhưng ông S không tham gia hòa giải nên Tòa án không hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông S đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ các đương sự không còn tha thiết việc hòa giải đoàn tụ với nhau.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bị đơn từ chối việc tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

- Về con chung: Bà Tào Mộng T và ông Hồ Thanh S có 01 con chung là trẻ Hồ Bảo L, sinh ngày 23/6/2012. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hồ Bảo L cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi cháu Hồ Bảo L do bà và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T là người trực tiếp nuôi con chung từ khi sinh ra đến nay, bà có chỗ ở và công việc ổn định nên có thể đảm bảo được cuộc sống bình thường của con và theo nguyện vọng của cháu Hồ Bảo L là muốn sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cho trẻ Hồ Bảo L cho bà Tào Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên là có căn cứ. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, theo Kết quả trả lời xác minh số 189/UBND ngày 27/4/2021 của Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 6 xác định: hiện ông S và bà T có 03 con chung (sinh năm 2003, 2004 và 2012), các con đang sống chung cùng ông S. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà Tào Mộng T thì bà và ông S có hai con chung tên Tào Bảo M (sinh ngày 05/5/2003) và Tào Thanh T (sinh ngày 31/8/2004) trước khi đăng ký kết hôn. Từ khi sinh ra đến nay, hai cháu Tào Bảo M, Tào Thanh T do bà T và ông S chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nhưng ông S không thừa nhận hai cháu Tào Bảo M, Tào Thanh T là con ông S nên trên giấy khai sinh của hai cháu Tào Bảo M, Tào Thanh T cũng không thể hiện thông tin về cha. Hiện nay, cháu Tào Bảo M đã thành niên. Đối với cháu Tào Thanh T, bà T xác định bà sẽ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi thành niên. Bà T không yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết gì đối với cháu Tào Thanh T nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tào Mộng T tự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.] Về án phí: Bà Tào Mộng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tào Mộng T về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Hồ Thanh S.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa bà Tào Mộng T và ông Hồ Thanh S chấm dứt; Giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 01/2011, ngày 19/12/2011 do Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Tào Mộng T và ông Hồ Thanh S không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Hồ Bảo L, sinh ngày 23/6/2012 cho bà Tào Mộng T trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hồ Thanh S có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Tào Mộng T. Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của nhau thì bên bị vi phạm có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người vi phạm.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tào Mộng T tự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tào Mộng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0038520 ngày 04/3/2021 của Chi Cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ghi nhận bà Tào Mộng T đã đóng đủ tiền án phí.

5. Bà Tào Mộng T có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Hồ Thanh S có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND P4, Q6;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tú**

